

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN
Số 65 đường Hoàng Văn Thu - TP. Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
RIÊNG QUÝ 1/2023

THÁI NGUYÊN - 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý 1 Năm 2023

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý 1 | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 173.212.144.786 | 172.941.439.368 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 4.405.753.484 | 4.426.649.949 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.405.753.484 | 4.426.649.949 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 6.794.000.000 | 6.794.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 6.794.000.000 | 6.794.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 151.177.366.934 | 151.990.638.949 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 5.633.140.950 | 5.704.031.966 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 374.087.518 | 209.823.858 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 4.350.000.000 | 3.250.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 140.845.393.966 | 142.852.038.625 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.7 | (25.255.500) | (25.255.500) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 10.416.734.271 | 9.008.385.192 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 10.416.734.271 | 9.008.385.192 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 418.290.097 | 721.765.278 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 185.076.724 | 273.795.279 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.492.260 | 207.969.999 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.17 | 230.721.113 | 240.000.000 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 90.554.139.660 | 89.199.978.706 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 387.990.000 | 387.990.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 387.990.000 | 387.990.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 13.531.396.204 | 10.503.360.351 |

Công Ty Cổ Phần Phát hành sách Thái Nguyên
Số 65 đường Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý 1 | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 13.240.221.206 | 10.204.522.852 |
| - Nguyên giá | 222 | | 21.977.947.381 | 18.713.967.751 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (8.737.726.175) | (8.509.444.899) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | |
| - Nguyên giá | 225 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 291.174.998 | 298.837.499 |
| - Nguyên giá | 228 | | 474.500.000 | 474.500.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (183.325.002) | (175.662.501) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | | |
| - Nguyên giá | 231 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 4.051.886.767 | 8.067.796.753 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | V.12 | 3.883.828.567 | 3.819.758.923 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 168.058.200 | 4.248.037.830 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.14 | 69.628.464.871 | 67.032.464.872 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 51.425.000.000 | 51.425.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | | |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 22.616.700.000 | 20.020.700.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | (4.413.235.129) | (4.413.235.129) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.954.401.818 | 3.208.366.730 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 2.954.401.818 | 3.208.366.730 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | | |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 263.766.284.446 | 262.141.418.074 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 67.611.554.318 | 66.023.803.494 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 29.250.769.239 | 27.663.018.415 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.15 | 22.253.761.684 | 21.736.088.343 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.16 | 2.615.082 | 80.469.801 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.17 | | |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 403.147.568 | 385.413.010 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 215.550.000 | 215.550.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.19 | 694.245.515 | 389.090.906 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.20a | 228.705.063 | 234.810.719 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.21a | 5.376.391.827 | 4.545.243.136 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.22 | 76.352.500 | 76.352.500 |

Công Ty Cổ Phần Phát hành sách Thái Nguyên
Số 65, đường Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý 1 | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 38.360.785.079 | 38.360.785.079 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | | |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | | |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | | |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.20b | 65.500.000 | 65.500.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.21b | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | | |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 196.154.730.128 | 196.117.614.580 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.23 | 196.154.730.128 | 196.117.614.580 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 195.000.000.000 | 195.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 195.000.000.000 | 195.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 29.736.000 | 29.736.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 205.199.847 | 205.199.847 |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | | |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 464.211.628 | 464.211.628 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 455.582.653 | 418.467.105 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 418.467.105 | 4.118.293.370 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 37.115.548 | (3.699.826.265) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 263.766.284.446 | 262.141.418.074 |

460
CÔ
CỔ
LÀT
THÁ
GUY

Công Ty Cổ Phần Phát hành sách Thái Nguyên
Số 65 đường Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên

Lập, Ngày 20 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Phùng Thị Hà

P. Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Thị Mai Liên

03
N
P
H
I
N
ÊN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý I năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Quý I | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|----------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm 2023 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2022 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 5.335.641.040 | 6.126.794.521 | 5.335.641.040 | 6.126.794.521 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | | 12.046.023 | | 12.046.023 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 5.335.641.040 | 6.114.748.498 | 5.335.641.040 | 6.114.748.498 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 2.378.404.526 | 3.958.457.269 | 2.378.404.526 | 3.958.457.269 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 2.957.236.514 | 2.156.291.229 | 2.957.236.514 | 2.156.291.229 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 200.912.894 | 63.297.451 | 200.912.894 | 63.297.451 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 149.520.275 | 158.975.674 | 149.520.275 | 158.975.674 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 149.520.275 | 158.975.674 | 149.520.275 | 158.975.674 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 1.426.869.143 | 581.005.117 | 1.426.869.143 | 581.005.117 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 1.044.869.477 | 1.453.818.610 | 1.044.869.477 | 1.453.818.610 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26) | 30 | | 536.890.513 | 25.789.279 | 536.890.513 | 25.789.279 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 61.868.054 | 24.070.431 | 61.868.054 | 24.070.431 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 552.364.132 | 1.335.024 | 552.364.132 | 1.335.024 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (490.496.078) | 22.735.407 | (490.496.078) | 22.735.407 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 46.394.435 | 48.524.686 | 46.394.435 | 48.524.686 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.10 | 9.278.887 | 9.704.937 | 9.278.887 | 9.704.937 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 37.115.548 | 38.819.749 | 37.115.548 | 38.819.749 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | | | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | | | | |

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

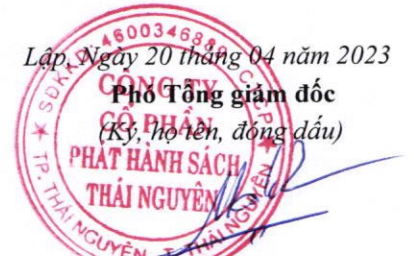


Phùng Thị Hà

Lập, Ngày 20 tháng 04 năm 2023

Phó Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lã Thị Mai Liên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ 1

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số dư lũy kế đến Quý 1/2023 | Số dư lũy kế đến Quý 1/2022 |
|--|-----------|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 46.394.435 | 48.524.686 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 374.313.128 | 253.876.920 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (337.276.530) | (63.297.451) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 149.520.275 | 158.975.674 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 232.951.308 | 398.079.829 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 2.168.784.340 | 8.171.529.900 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (1.471.434.638) | (249.293.454) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 501.592.980 | 19.610.578.534 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 342.683.467 | 636.577.927 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | (40.041.400.000) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (149.520.275) | (158.975.674) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | (215.068.859) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 1.625.057.182 | (11.847.971.797) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | 677.630.649 | (550.000.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 541.267.013 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1.800.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 700.000.000 | 1.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (2.596.000.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | 63.297.451 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (2.477.102.338) | 513.297.451 |

| | | | | |
|--|-----------|------------|----------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 2.678.455.106 | 6.412.818.259 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (1.847.306.415) | (1.200.000.000) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 831.148.691 | 5.212.818.259 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | (20.896.465) | (6.121.856.087) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | V.1 | 4.426.649.949 | 6.998.617.455 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61) | 70 | V.1 | 4.405.753.484 | 876.761.368 |
| | | | - | - |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phùng Thị Hà

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2023

Phó tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Là Thị Mai Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** :
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - Cho thuê mặt bằng./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:**
Số liệu BCTC quý 1 năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính năm quý 1 năm 2022.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
 - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 5 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối quý 1 | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 4.120.417.614 | 3.489.407.879 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 285.335.870 | 937.242.070 |
| Cộng | 4.405.753.484 | 4.426.649.949 |

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối quý 1 | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng | | | | |
| TMCP Quân Đội | 6.794.000.000 | 6.794.000.000 | 6.794.000.000 | 6.794.000.000 |
| Cộng | 6.794.000.000 | 6.794.000.000 | 6.794.000.000 | 6.794.000.000 |

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | Số cuối quý 1 | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 4.231.515.736 | 4.289.749.996 |
| Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng | 4.213.883.326 | 4.273.605.586 |
| Công ty Cổ Phần Thương Mại Cao Bắc | 17.632.410 | 16.144.410 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 1.401.625.214 | 1.414.281.970 |
| Cty TNHH in và Thiết kế thương hiệu Tuấn Hoàng | 3.193.300 | 110.400.620 |
| Công ty TNHH Dịch vụ taxi Miền Bắc | 262.001.000 | - |
| Các khách hàng khác | 1.136.430.914 | 1.303.881.350 |
| Cộng | 5.633.140.950 | 5.704.031.966 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối quý 1 | Số đầu năm |
|--|----------------------|--------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | 112.010.000 | 112.010.000 |
| Công ty Cổ phần Cao Dương Phát | 112.010.000 | 112.010.000 |
| <i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i> | 262.077.518 | 97.813.858 |
| Công ty CP giải pháp công nghệ thông tin Quốc tế | 107.325.000 | - |
| Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bình Tây | 52.701.541 | - |
| Cty TNHH Thương mại và dịch vụ văn hóa Đình Tị | 16.440.899 | 37.765.149 |
| Các nhà cung cấp khác | 85.610.078 | 60.048.709 |
| Cộng | 374.087.518 | 209.823.858 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối quý 1</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Cho bà Nguyễn Xuân Quỳnh vay với lãi suất 7,5%/năm | 600.000.000 | 600.000.000 |
| Cho bà Nguyễn Thị Hương vay với lãi suất 7,5%/năm | - | 700.000.000 |
| Cho bà Phạm Thị Hồng Hạnh vay với lãi suất 7,5%/năm | 750.000.000 | 750.000.000 |
| Cho bà Nguyễn Thị Xuyên vay với lãi suất 7,5%/năm | 550.000.000 | 550.000.000 |
| Cho bà Nguyễn Thị Hồng Mỹ vay với lãi suất 7,5%/năm | 650.000.000 | 650.000.000 |
| Cho bà Lương Thị Văn vay với lãi suất 7%/năm | 600.000.000 | - |
| Cho bà Dương Thị Liên vay với lãi suất 7%/năm | 600.000.000 | - |
| Cho bà Ng. Thị Phương Thảo vay với lãi suất 7%/năm | 600.000.000 | - |
| Cộng | <u>4.350.000.000</u> | <u>3.250.000.000</u> |

6. Các khoản phải thu khác

a, Ngắn hạn

| | <u>Số cuối quý 1</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-------------------------------|-----------------|-------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>139.461.350.000</i> | - | <i>140.906.350.000</i> | - |
| Cty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (*) | 135.400.000.000 | - | 135.400.000.000 | - |
| Bà Lê Thị Mai Liên - Tạm ứng | - | - | 300.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Quy - Tạm ứng (**) | 4.061.350.000 | - | 5.206.350.000 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>1.384.043.966</i> | - | <i>1.945.688.625</i> | - |
| Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi | 480.154.834 | - | 331.866.562 | - |
| Tạm ứng | 897.958.000 | - | 1.607.958.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 5.931.132 | - | 5.864.063 | - |
| Cộng | <u>140.845.393.966</u> | - | <u>142.852.038.625</u> | - |

(*) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 ngày 03/02/2020, Phụ lục số 02 ngày 15/04/2020. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”. Thời gian hợp tác kinh doanh: 5 năm.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/STH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên và Biên bản thỏa thuận số 2606/BBTT.2022/TH-STH ngày 26 tháng 6 năm 2022 với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng đã thông qua phương án dự kiến thu hồi vốn đầu tư tại dự án trên. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thu hồi số tiền đầu tư là 45.000.000.000 VND

(**) Tạm ứng để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng dự án Thái Hưng Complex Tower tại số 65 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
|---|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| Phải thu các bên liên quan | - | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Cao Dương Phát – tiền đặt cọc thuê văn phòng | 387.990.000 | - | 387.990.000 | - |
| Cộng | 387.990.000 | - | 387.990.000 | - |

7. Nợ xấu

| | <u>Số cuối quý 1</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty CP May Xuất khẩu SiL - Han | <i>Không có khả năng thu hồi</i> | 25.255.500 | 25.255.500 | <i>Không có khả năng thu hồi</i> | 25.255.500 | 25.255.500 |
| Cộng | | 25.255.500 | 25.255.500 | | 25.255.500 | 25.255.500 |

8. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối quý 1</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Hàng hóa | 10.416.734.271 | - | 9.008.385.192 | - |
| Cộng | 10.416.734.271 | - | 9.008.385.192 | - |

9. Chi phí trả trước**a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối quý 1</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 2.510.000 | 4.680.000 |
| Chi phí thuê địa điểm kinh doanh | 167.219.202 | 257.318.204 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 15.347.522 | 11.797.075 |
| Cộng | 185.076.724 | 273.795.279 |

b, Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối quý 1</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ dụng cụ | 2.513.436.440 | 2.614.436.443 |
| Dịch vụ vận chuyển trả trước | - | - |
| Chi phí sửa chữa | 440.965.378 | 593.930.287 |
| Cộng | 2.954.401.818 | 3.208.366.730 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 16.054.522.371 | 259.037.400 | 2.400.407.980 | 18.713.967.751 |
| Tăng trong năm | 4.079.979.630 | - | - | 4.079.979.630 |
| Giảm trong năm do thanh lý | - | - | (816.000.000) | (816.000.000) |
| Số cuối quý 1 | 20.134.502.001 | 259.037.400 | 1.584.407.980 | 21.977.947.381 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 662.451.960 | 179.970.582 | 979.802.333 | 1.822.224.875 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 7.287.881.244 | 188.135.393 | 1.033.428.262 | 8.509.444.899 |
| Khấu hao trong năm | 277.793.847 | 6.588.903 | 82.267.877 | 366.650.627 |
| Giảm do thanh lý | - | - | (138.369.351) | (138.369.351) |
| Số cuối quý 1 | 7.565.675.091 | 194.724.296 | 977.326.788 | 8.737.726.175 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 8.766.641.127 | 70.902.007 | 1.366.979.718 | 10.204.522.852 |
| Số cuối quý 1 | 12.568.826.910 | 64.313.104 | 607.081.192 | 13.240.221.206 |

Tài sản cố định là “nhà làm việc và bán hàng” của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.380.906.239 VND và 4.185.729.287 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 474.500.000 | (175.662.501) | 298.837.499 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Khấu hao trong năm | - | (7.662.501) | (7.662.501) |
| Số cuối quý 1 | 474.500.000 | (183.325.002) | 291.174.998 |

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

| | Số cuối quý 1 | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.883.828.567 | - | 3.819.758.923 | - |
| Cộng | 3.883.828.567 | - | 3.819.758.923 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | | Số cuối quý 1 | |
|---|----------------------|-------------------------------|---------------------------------|--------------------|
| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong quý 1 | Kết chuyển vào TSCĐ trong quý 1 | Số cuối quý 1 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 4.248.037.830 | - | (4.079.979.630) | 168.058.200 |
| <i>Xây dựng cơ bản dở dang HS Phú Lương</i> | 3.733.463.889 | - | (3.733.463.889) | - |
| <i>XDCB Tòa nhà Thái Hưng COMPLEX TOWER</i> | 168.058.200 | - | - | 168.058.200 |
| <i>Xây dựng, sửa chữa hiệu sách Võ Nhai</i> | 346.515.741 | - | (346.515.741) | - |
| Cộng | 4.248.037.830 | - | (4.079.979.630) | 168.058.200 |

14. Đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối quý 1 | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| <i>Đầu tư vào công ty con</i> | <i>51.425.000.000</i> | <i>(4.413.235.129)</i> | <i>51.425.000.000</i> | <i>(4.413.235.129)</i> |
| Cy Cổ phần Cao Dương Phát (*) | 51.425.000.000 | (4.413.235.129) | 51.425.000.000 | (4.413.235.129) |
| <i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i> | <i>22.616.700.000</i> | <i>-</i> | <i>20.020.700.000</i> | <i>-</i> |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (**) | 20.020.700.000 | - | 20.020.700.000 | - |
| Cty CP TM và khai thác khoáng sản Dương Hiếu (***) | 2.596.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 74.041.700.000 | (4.413.235.129) | 71.445.700.000 | (4.413.235.129) |

(*) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng thành công 4.675.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cao Dương Phát từ bà Nguyễn Thị Dung với giá chuyển nhượng là 51.425.000.000 VND, chiếm 55% tổng số cổ phần tại Công ty Cổ phần Cao Dương Phát.

(**) Trong năm, công ty đã nhận chuyển nhượng thành công 2.002.070 cổ phần của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam từ bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng với giá chuyển nhượng là 20.020.700.000 VND.

(***) Trong quý 1 công ty đã mua thành công 230.000 cổ phiếu của Cty CP TM và khai thác khoáng sản Dương Hiếu với tổng giá trị 2.596.000.000 VND.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối quý 1 | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>20.020.700.000</i> | <i>20.020.700.000</i> | <i>20.020.700.000</i> | <i>20.020.700.000</i> |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 20.020.700.000 | 20.020.700.000 | 20.020.700.000 | 20.020.700.000 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>2.233.061.685</i> | <i>2.233.061.685</i> | <i>1.715.388.343</i> | <i>1.715.388.343</i> |
| Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Hưng Phát Bắc Ninh | - | - | 6 | 6 |
| Công ty TNHH Xây dựng Hà Phong | 692.701.000 | 692.701.000 | 382.701.000 | 382.701.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.540.360.685 | 1.540.360.685 | 1.332.687.337 | 1.332.687.337 |
| Cộng | 22.253.761.685 | 22.253.761.685 | 21.736.088.343 | 21.736.088.343 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối quý 1</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH dịch vụ Hà Nội CAPITAL | - | 38.388.000 |
| CTY TNHH BEST EXPRESS (VIỆT NAM) | - | 28.502.465 |
| CN Thái Nguyên - Công ty CP dịch vụ tổng hợp WINCOMMERCE | - | 13.148.336 |
| Công ty bảo hiểm BSH Thái Nguyên | - | 431.000 |
| Công ty CP Xây dựng Le Mont | 2.615.082 | - |
| Cộng | <u>2.615.082</u> | <u>80.469.801</u> |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh</u> | | <u>Số cuối quý 1</u> |
|--------------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số thuế nộp thừa</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Số thuế nộp thừa</u> |
| Thuế TNDN | - | 240.000.000 | 9.278.887 | - | 230.721.113 |
| Các loại thuế khác | - | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - |
| Cộng | - | <u>240.000.000</u> | <u>13.278.887</u> | <u>(4.000.000)</u> | <u>230.721.113</u> |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản phải trả Công ty Cổ phần Cao Dương Phát (Công ty con) về tiền thuê văn phòng.

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | <u>Số cuối quý 1</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>181.818.180</i> | <i>290.909.091</i> |
| Công ty TNHH Thời trang quốc tế SAVANI | 181.818.180 | 290.909.091 |
| <i>Các khách hàng khác</i> | <i>512.427.335</i> | <i>98.181.815</i> |
| Cộng | <u>694.245.515</u> | <u>389.090.906</u> |

20. Các khoản phải trả khác**a, Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối quý 1</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>199.680.000</i> | <i>199.680.000</i> |
| Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả | 199.680.000 | 199.680.000 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>29.025.063</i> | <i>35.130.719</i> |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 29.025.063 | 35.130.719 |
| Cộng | <u>228.705.063</u> | <u>234.810.719</u> |

b, Dài hạn

Là khoản ký cược, ký quỹ của các hợp đồng cho thuê mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính****a, Ngắn hạn**

| | Số cuối quý 1 | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Thái Nguyên (1) | 5.376.391.827 | 5.376.391.827 | 4.545.243.136 | 4.545.243.136 |
| Cộng | 5.376.391.827 | 5.376.391.827 | 4.545.243.136 | 4.545.243.136 |

(1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số VN120003476-002 ngày 25 tháng 06 năm 2021 được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 03/PLHDCV-VN120003476-002 ngày 26 tháng 06 năm 2022, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25 tháng 06 năm 2023. Hạn mức khoản vay là 9.750.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 2,75%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455, cấp ngày 15 tháng 08 năm 2008 và số BG553733 cấp ngày 13 tháng 09 năm 2011 bởi UBND tỉnh Thái Nguyên.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong quý 1 | Số tiền vay đã trả trong quý | Số cuối quý 1 |
|-------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|----------------------|
| | Vay ngắn hạn ngân hàng | 4.545.243.136 | 2.678.455.106 | (1.847.306.415) |
| Cộng | 4.545.243.136 | 2.678.455.106 | (1.847.306.415) | 5.376.391.827 |

b, Dài hạn

| | Số cuối quý 1 | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 |
| Cty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 |
| Cộng | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 | 38.295.285.079 |

Là các khoản vay với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng tổng giá trị cho vay là 38.295.285.079 VND. Mục đích dùng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của công ty

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong quý 1 | Số tiền vay đã trả trong quý 1 | Số cuối quý 1 |
|-------------|----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| | Cty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng | 38.295.285.079 | - | - |
| Cộng | 38.295.285.079 | - | - | 38.295.285.079 |

22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | Số cuối quý 1 | Số đầu năm |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Quỹ khen thưởng | 38.176.250 | 38.176.250 |
| Quỹ phúc lợi | 38.176.250 | 38.176.250 |
| Cộng | 76.352.500 | 76.352.500 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYỄN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 195.000.000.000 | 29.736.000 | 205.199.847 | 464.211.628 | 4.118.293.370 | 199.817.440.845 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | (3.699.826.265) | (3.699.826.265) |
| Số dư cuối năm trước | 195.000.000.000 | 29.736.000 | 205.199.847 | 464.211.628 | 418.467.105 | 196.117.614.580 |
| Số dư đầu năm nay | 195.000.000.000 | 29.736.000 | 205.199.847 | 464.211.628 | 418.467.105 | 196.117.614.580 |
| Lợi nhuận trong quý 1 | - | - | - | - | 37.115.548 | 37.115.548 |
| Số dư cuối năm nay | 195.000.000.000 | 29.736.000 | 205.199.847 | 464.211.628 | 455.582.653 | 196.154.730.128 |

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Tỷ lệ | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|--------------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 36.000.000.000 | 18,46% | 36.000.000.000 | 18,46% |
| Bà Nguyễn Thị Vinh | 21.550.200.000 | 11,05% | 21.550.200.000 | 11,05% |
| Bà Nguyễn Thị Quy | 26.216.200.000 | 13,44% | 26.216.200.000 | 13,44% |
| Bà Bạch Phương Vinh | 21.546.000.000 | 11,05% | 21.546.000.000 | 11,05% |
| Các cổ đông khác | 89.687.600.000 | 46,00% | 89.687.600.000 | 46,00% |
| Cộng | 195.000.000.000 | 100,00% | 195.000.000.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 19.500.000 | 19.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 19.500.000 | 19.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 19.500.000 | 19.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 19.500.000 | 19.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 19.500.000 | 19.500.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 3.331.186.686 | 3.752.711.195 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.004.454.354 | 2.374.083.326 |
| Cộng | <u>5.335.641.040</u> | <u>6.126.794.521</u> |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| Chiết khấu thương mại | - | 12.046.023 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>12.046.023</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 2.344.938.564 | 3.006.403.094 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 33.465.962 | 952.054.175 |
| Cộng | <u>2.378.404.526</u> | <u>3.958.457.269</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|----------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 200.912.894 | 63.297.451 |
| Cộng | <u>200.912.894</u> | <u>63.297.451</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|-----------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 149.520.275 | 158.975.674 |
| Cộng | <u>149.520.275</u> | <u>158.975.674</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 987.534.400 | 445.279.740 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | - | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 80.144.280 | 39.666.078 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 37.182.550 | 37.458.996 |
| Các chi phí khác | 322.007.913 | 58.600.303 |
| Cộng | <u>1.426.869.143</u> | <u>581.005.117</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 463.371.260 | 231.610.950 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 294.168.848 | 214.210.842 |
| Thuế, phí và lệ phí | 64.143.456 | 95.525.467 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | 2.233.798 |
| Các chi phí khác | 223.185.913 | 910.237.553 |
| Cộng | <u>1.044.869.477</u> | <u>1.453.818.610</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Các khoản thu nhập khác | 61.868.054 | 24.070.431 |
| Cộng | <u>61.868.054</u> | <u>24.070.431</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|--------------|---------------------------|-------------------------|
| Chi phí khác | 552.364.132 | 1.335.024 |
| Cộng | <u>552.364.132</u> | <u>1.335.024</u> |

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Quý 1/2023</u> | <u>Quý 1/2022</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 46.394.078 | 48.524.686 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | <u>9.278.887</u> | <u>9.704.937</u> |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>9.278.887</u> | <u>9.704.937</u> |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | <u>37.115.548</u> | <u>38.819.749</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Phùng Thị Hà



Lã Thị Mai Liên